

Bài 14 EM HỌC VẼ (6 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng, rõ ràng bài thơ *Em học vẽ*; tốc độ đọc 45 – 50 tiếng/ phút. Hiểu được những hình ảnh đẹp về thiên nhiên được khắc họa trong bức vẽ của bạn nhỏ cũng như tình yêu thiên nhiên và cuộc sống của bạn.
2. Nghe – viết đúng chính tả 2 khổ thơ đầu của bài *Em học vẽ*; trình bày đúng khổ thơ, biết viết hoa chữ đẦU tên bài thơ và đầu các dòng thơ; làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *ng/ngh*; *r/d/gi*; *an/ang*.
3. a. Phát triển vốn từ chỉ sự vật (từ chỉ đồ dùng học tập), đặt câu nêu công dụng của đồ dùng học tập, đặt đúng dấu chấm hoặc chấm hỏi ở cuối câu.
b. Viết được 3 – 4 câu giới thiệu một đồ vật được dùng để vẽ.
4. Tìm đọc mở rộng được câu chuyện về trường học. Chia sẻ được một số thông tin về câu chuyện đã đọc.
5. Cảm nhận được niềm vui học tập ở trường và có ý thức giữ gìn đồ dùng học tập.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

GV nắm được đặc điểm thể loại VB thơ, các hình ảnh thơ và đặc trưng về vấn trong thơ. Với bài thơ *Em học vẽ*, GV nên lưu ý nội dung bài thơ nói về những hình ảnh thiên nhiên đẹp được thể hiện qua bức vẽ của em học sinh. Những hình ảnh này nói lên sự quan sát tinh tế, trí tưởng tượng phong phú và tình yêu cuộc sống của trẻ em.

2. Phương tiện dạy học

- Bài thơ *Em học vẽ* được chiếu trên màn hình hoặc viết trên bảng lớn.
- Một số dải giấy trắng ghi các dòng thơ.
- Phiếu học tập: bài tập chính tả.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

- HS nhắc lại tên bài học trước.
- HS trả lời câu hỏi: Em học được gì từ bài đọc *Yêu lắm trường ơi?*

ĐỌC

1. Khởi động

- Trong buổi học trước, GV đã yêu cầu mỗi HS chuẩn bị một bức tranh mà em thích. Trong tiết học này, GV có thể cho lớp khởi động bằng hoạt động nhóm. Các em giới thiệu cho nhau những bức tranh mà các em mang đến lớp.
- GV mời 1 – 2 HS giới thiệu về bức tranh của mình cho cả lớp. Các HS khác có thể đặt câu hỏi hoặc nhận xét về những bức tranh được giới thiệu.
- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa bài *Em học vẽ*. 1 – 2 HS tả lại những gì các em quan sát thấy trong bức tranh (cảnh sân trường, các bạn HS đứng cạnh giá vẽ trên có các bức tranh các em vẽ, cận cảnh một HS đang giới thiệu với các bạn bức tranh của mình).
- GV dẫn vào bài thơ *Em học vẽ*.

2. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp:
- + GV giới thiệu: Hôm nay chúng ta sẽ học bài thơ *Em học vẽ*. Bài thơ mang đến cho chúng ta những cảnh thiên nhiên đẹp mà một bạn nhỏ đã quan sát được và vẽ lại. Qua bài thơ, chúng ta sẽ thấy được tình yêu của bạn nhỏ đối với thiên nhiên và cuộc sống.
- + GV đọc mẫu toàn bài thơ. Chú ý đọc với giọng vui vẻ, ngọt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm bài thơ trong khi nghe GV đọc mẫu.
- + GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ khó như *lung linh, nắn nót, cánh diều, ông trăng, rải ánh vàng, rẽ sóng, râm ran*, ...
- HS luyện đọc theo nhóm/ cặp:
- + HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trong nhóm. HS nghe và góp ý cho nhau. GV giúp đỡ những HS đọc khó khăn.
- + GV yêu cầu 1 – 2 nhóm HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trước lớp.

3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và thực hiện các yêu cầu. HS cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi.

Câu 1. Bạn nhỏ vẽ những gì trong bức tranh bầu trời đêm?

- + Một HS đọc to câu hỏi. Các HS khác đọc thầm theo.
- + GV hướng dẫn HS xem lại khổ 1 và 2 để tìm câu trả lời. Nhóm thảo luận.
- + GV yêu cầu 2 – 3 HS trình bày kết quả của nhóm. Các HS khác bổ sung hoặc trao đổi.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Bạn nhỏ vẽ bức tranh bầu trời đêm có sao lung linh và ông trăng rải ánh vàng đầy ngõ.)

Câu 2. Bức tranh cảnh biển của bạn nhỏ có gì đẹp?

+ Một HS đọc to câu hỏi. Các HS khác đọc thầm theo.

+ GV hướng dẫn HS xem lại khổ 3 để tìm câu trả lời. Nhóm thảo luận.

+ GV yêu cầu 2 – 3 HS trình bày kết quả của nhóm. Các HS khác bổ sung hoặc trao đổi.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời. (Bức tranh cảnh biển của bạn nhỏ có con thuyền trắng đang giương cánh buồm đỏ thăm dò rẽ sóng ra khơi.)

Câu 3. Đọc khổ thơ tương ứng với bức tranh dưới đây.

- HS làm việc chung cả lớp:

+ Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác đọc thầm theo.

+ GV hướng dẫn HS quan sát bức tranh, nhận diện những sự vật có trong tranh (lớp học, sân trường, cây phượng đỏ, ông mặt trời). Hướng dẫn HS tìm khổ thơ có chứa các sự vật được nói đến trong tranh. (Đáp án: khổ thơ cuối.)

+ GV yêu cầu 2 – 3 HS đọc to khổ thơ cuối trước lớp. Các HS khác đọc thầm theo.

Câu 4. Tìm tiếng cùng vần ở cuối các dòng thơ.

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Một HS đọc to yêu cầu. Các HS khác cùng đọc thầm theo.

+ GV làm mẫu một lần: chỉ cho HS thấy tiếng *sao* ở cuối dòng thơ 4 cùng vần với tiếng *cao* ở cuối dòng thơ 5.

+ HS trong nhóm cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng cùng vần ở cuối các dòng thơ.

+ HS viết những tiếng cùng vần tìm được ra giấy nháp của nhóm.

+ GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả của nhóm. GV và HS nhận xét.

+ GV và HS cùng thống nhất đáp án. (*sao – cao; ngõ – gió; xanh – lành; khơi – trời; đỏ – gió.*)

* *Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.*

- HS làm việc chung cả lớp:

+ GV cho HS trao đổi để tìm ra 2 khổ thơ được nhiều em thích nhất.

+ GV yêu cầu 1 – 2 HS đọc to 2 khổ thơ lớp đã chọn.

+ GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu 2 khổ thơ đó lên.

+ GV hướng dẫn HS học thuộc lòng 2 khổ thơ bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong từng dòng thơ. Lưu ý, lần 1 xoá những từ ngữ HS dễ nhớ (VD: *Hôm nay trong....*), lần 2 xoá nhiều hơn, chỉ để lại từ ngữ đầu dòng thơ (*Hôm nay...*) làm điểm tựa.

- HS làm việc nhóm:

HS làm việc nhóm để cùng nhau học thuộc lòng 2 khổ thơ. GV hướng dẫn HS sử dụng chiến lược xoá dần nếu cần.

GV yêu cầu đại diện một số nhóm đọc lại khổ thơ đã thuộc lòng.

4. Luyện đọc lại

- GV và HS đọc toàn bài thơ.
- + GV đọc lại toàn bài thơ một lượt. Chú ý giọng đọc diễn cảm.
- + Một số HS đọc thành tiếng cả bài thơ trước lớp.
- + Từng em tự luyện đọc toàn bài thơ.

GV khen ngợi HS đọc tốt.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. Tìm trong bài thơ những từ ngữ chỉ sự vật.

- Một HS đọc to yêu cầu của bài. Các HS khác đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: cùng đọc lại từng khổ thơ để tìm từ ngữ chỉ sự vật. GV có thể lấy ví dụ về từ ngữ chỉ sự vật làm mẫu cho HS ở khổ thơ 1 như *giấy, bút*. HS tiếp tục trao đổi trong nhóm và viết ra giấy nháp các từ ngữ chỉ sự vật tìm được.
- GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả. Có thể tổ chức thi giữa các nhóm. GV và HS cùng thống nhất đáp án. (*lớp học, giấy, bút, bầu trời, sao, ông trăng, ngõ, cánh diều, biển, con thuyền, cánh buồm, mặt trời,...*)
- GV giải thích cho HS những từ ngữ trên là từ ngữ chỉ sự vật.

Câu 2. Đặt câu nêu đặc điểm với 1 trong 3 từ *lung linh, nho nhỏ, râm ran*.

- Một HS đọc to yêu cầu của bài. Các HS khác đọc thầm theo.

Một HS đọc to câu mẫu: *Bầu trời sao lung linh*.

GV giải thích cho HS: những từ ngữ *lung linh, nho nhỏ, râm ran* là những từ ngữ chỉ đặc điểm, khác với những từ ngữ chỉ sự vật ở câu 1.

- GV lưu ý HS: Câu nêu đặc điểm *Bầu trời sao lung linh* có 2 thành phần: (1) từ ngữ chỉ sự vật và (2) từ ngữ chỉ đặc điểm. GV có thể đưa mô hình câu mẫu lên bảng để HS quan sát: (1) từ ngữ chỉ sự vật (*Bầu trời sao*) + (2) từ ngữ chỉ đặc điểm (*lung linh*).
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: HS chọn 1 trong 3 từ và đặt câu; ghi lại kết quả ra giấy nháp.
- GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. Cả lớp nhận xét. Có thể tổ chức thi giữa các nhóm xem nhóm nào đặt được nhiều câu hay, câu đúng.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

- GV nêu yêu cầu nghe – viết chính tả 2 khổ thơ đầu.
- GV đọc đoạn nghe – viết (lưu ý đọc đúng các tiếng HS dễ viết sai); HS nhìn SHS, nghe và đọc thầm theo GV.
- 1 – 2 HS đọc lại đoạn nghe – viết. GV lưu ý HS những chỗ ngắt nghỉ.
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết:
 - + Dấu câu: dấu chấm cuối khổ thơ; dấu phẩy ở dòng thơ thứ 2 (sau tiếng *trắng*).
 - + Viết hoa chữ cái đầu mỗi dòng thơ và tên bài thơ. Mỗi dòng thơ lùi từ đầu dòng vào 1 ô li.
 - + Khoảng cách giữa khổ thơ 1 và khổ thơ 2 (để 1 dòng kẻ ô li).
 - + Chữ dễ viết sai chính tả: *lung linh, nắn nót, cánh diều, lồng gió*.
- HS viết nháp những chữ dễ viết sai.

HS nghe – viết chính tả:

- + GV đọc tên bài, đọc từng dòng thơ cho HS viết. Mỗi dòng cần đọc theo từng cụm từ (*Với/ giấy trắng/ bút màu*.) Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.
- + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần 2 khổ thơ và yêu cầu HS rà soát lỗi.
- + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.
- + GV hướng dẫn chữa một số bài, nhận xét, động viên, khen ngợi HS.

2. Chọn ng hoặc ngh thay cho ô vuông.

- Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HS thảo luận bài tập theo nhóm. Ghi kết quả ra giấy nháp.
- GV yêu cầu 1 – 2 HS trình bày đáp án. GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (a. **nghe** b. **ngày**.)
- GV có thể giải thích hoặc yêu cầu HS giải thích nghĩa của 2 câu tục ngữ:
 - + Trăm nghe không bằng một thấy: tận mắt chứng kiến quan trọng, ý nghĩa hơn là chỉ nghe người khác kể lại.
 - + Có công mài sắt, có ngày nên kim: kiên trì theo đuổi công việc thì sẽ đạt được kết quả tốt.

3. Chọn a hoặc b.

GV chọn bài tập a hoặc b tuỳ theo nhu cầu của HS nơi mình giảng dạy.

a. *Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng r, d hoặc gi thay cho hình.*

- GV có thể tổ chức cho HS làm việc nhóm, hoặc làm việc cả lớp, hoặc tổ chức trò chơi, hoặc thi giữa các tổ: HS nhìn tranh, nói tên sự vật được vẽ trong tranh, đọc câu và tìm tiếng phù hợp. Các nhóm ghi kết quả ra giấy nháp.

- GV yêu cầu 1 – 2 HS trả lời. Các HS khác nhận xét, đánh giá. Đáp án: *Chậm như rùa, Nhanh như gió, Nắng tốt đưa, mưa tốt lúa.*

- GV và HS giải thích nghĩa của những câu này.

+ Hai câu đầu (*Chậm như rùa; Nhanh như gió*) đơn giản, có thể yêu cầu HS giải thích.

+ GV giải thích nghĩa của câu *Nắng tốt đưa, mưa tốt lúa* (kinh nghiệm về thời tiết liên quan đến trồng trọt: thời tiết nắng nhiều thích hợp cho việc trồng lúa; thời tiết mưa nhiều, đất ẩm thích hợp cho việc trồng lúa).

b. *Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần an hoặc ang gọi tên sự vật trong mỗi hình.*

- Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

- HS làm bài tập cá nhân: quan sát tranh và tìm câu trả lời đúng, viết câu trả lời ra giấy nháp.

- 1 – 2 HS làm bài trên bảng. Cả lớp và GV nhận xét, chốt đáp án. (Tranh 1 (cái) bàn, (cái) bảng, (cái) đòn.)

- GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Nói tên các đồ dùng có ở góc học tập.

- GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm.

+ Đọc yêu cầu của bài tập 1. Nối tiếp nhau nói tên các đồ vật có ở bức tranh vẽ góc học tập (có thể chơi trò tung bóng và nói tên đồ vật).

+ Viết tên gọi các đồ vật tìm được vào vỏ hoặc phiếu học tập của nhóm.

- GV tổ chức chia bài trước lớp:

Đại diện một số nhóm trình bày kết quả, GV và HS thống nhất đáp án. (cái bàn, cái ghế, cái đèn bàn, chiếc cặp sách, cái giá sách, cái cốc, sách, bút, kéo,...)

- GV khen ngợi các nhóm tìm được nhiều từ ngữ.

- GV cũng có thể tổ chức cuộc thi giữa các nhóm.

2. Đặt một câu nêu công dụng của một đồ dùng học tập.

- Một HS đọc to yêu cầu của bài tập, các HS khác đọc thầm theo.

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: kể tên đồ dùng học tập và đặt câu nêu công dụng của đồ dùng đó theo mẫu.

- GV giải thích: Câu mẫu nêu công dụng của đồ dùng học tập *Bút màu dùng để vẽ tranh* gồm có 2 thành phần: (1) từ ngữ chỉ đồ dùng học tập (*bút màu*) + (2) dùng để làm gì (*dùng để vẽ tranh*). GV có thể vẽ sơ đồ câu lên bảng để HS quan sát.
- HS làm việc nhóm.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. HS và GV cùng nhận xét, góp ý.
- GV có thể tổ chức thi đua giữa các nhóm/ tổ: GV nêu tên đồ dùng HS, các nhóm thi đặt câu nhanh và đúng.
- Nếu có đồ vật nào các em không biết công dụng, GV có thể giải thích. Đồng thời, GV có thể nói về trách nhiệm của HS trong việc giữ gìn đồ dùng học tập.

3. Chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thay cho ô vuông.

- Một HS đọc to yêu cầu, các HS đọc thẩm theo.
- GV yêu cầu 2 HS đóng vai bút chì và tẩy và đọc đoạn thoại.
- GV giải thích: Trong đoạn thoại này, những câu nào là câu hỏi thì cần chọn dấu chấm hỏi thay cho ô vuông, những câu khác không phải là câu hỏi thì chọn dấu chấm.
- HS làm việc nhóm: thảo luận để làm bài tập. Ghi kết quả ra giấy nháp.
- GV gọi 2 – 3 HS trình bày kết quả. GV và HS nhận xét, thống nhất đáp án. (Câu 1 và câu 2 – dấu chấm hỏi; 3 câu sau – dấu chấm.)
- GV cho 2 HS đóng vai tẩy và bút chì đọc lại đoạn thoại, lưu ý HS cách đọc ngữ điệu câu hỏi (lên giọng ở cuối câu) và ngữ điệu câu khẳng định (xuống giọng ở cuối câu).

TIẾT 5 - 6

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Nhìn tranh, nói tên đồ vật và nêu công dụng của chúng.

- Một HS đọc yêu cầu của bài. Các HS khác đọc thẩm theo.
- GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm: quan sát tranh.
 - a. nói tên các đồ vật bạn nhỏ sử dụng để vẽ tranh.
 - b. nêu công dụng của các đồ vật đó.
- Các nhóm viết kết quả vào vở nháp.
- GV yêu cầu 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét, bổ sung. GV cũng có thể tổ chức thi giữa các nhóm: GV nêu tên, HS nêu công dụng. Nhóm nào nói nhanh và đúng nhiều nhất sẽ thắng.
- GV và HS thống nhất đáp án. (giấy màu để vẽ, màu để tô, bút chì để viết, tẩy để xoá, thước kẻ để kẻ đường thẳng,...)

2. Viết 3 – 4 câu giới thiệu về một đồ vật được dùng để vẽ.

- Một HS đọc to yêu cầu của bài tập. Các HS khác đọc thẩm theo.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: chọn một đồ vật các em dùng để vẽ và giới thiệu về đồ vật đó theo câu hỏi gợi ý trong SHS.

- HS giới thiệu về một đồ vật em dùng để vẽ trong nhóm. Nhóm góp ý cho nhau.
- Từng HS viết lời giới thiệu vào vở. GV giúp một số HS còn khó khăn trong viết đoạn.
- GV gọi một số HS đọc bài trước lớp. GV và HS nhận xét.
- HS tự sửa câu văn đã viết. HS đổi bài cho bạn để đọc và góp ý.
- GV chữa nhanh một số bài. Tuyên dương một số em viết tốt. GV nhắc HS về nhà tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện bài.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một câu chuyện về trường học. Chia sẻ thông tin về câu chuyện dựa trên gợi ý.

- Trong buổi học trước, GV giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một câu chuyện về trường học và ghi lại thông tin về câu chuyện dựa trên gợi ý của bạn chim cánh cụt như trong SHS.
- GV có thể chuẩn bị một số câu chuyện phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp. GV cũng có thể tổ chức hoạt động Đọc mở rộng ở thư viện của trường.
- HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 3, nhóm 4. Các em trao đổi với nhau về những thông tin đã chuẩn bị theo gợi ý.

2. Nói về một nhân vật em thích trong câu chuyện.

- HS chọn kể trong nhóm về một nhân vật mà mình thích trong câu chuyện đã đọc (Theo các câu hỏi gợi ý: câu chuyện có mấy nhân vật? Tên nhân vật em thích nhất là gì? Điều gì ở nhân vật làm cho em thích nhất? Vì sao?).
- Một số (2 – 3) HS nói trước lớp về nhân vật mình thích nhất, lí do? Các HS khác có thể nhận xét hoặc đặt trao đổi thêm.
- GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách kể chuyện hấp dẫn hoặc chia sẻ một số ý tưởng thú vị. Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi.

CỦNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài 14 các em đã:
 - + Học thuộc lòng 2 khổ thơ yêu thích trong bài thơ *Em học vẽ*.
 - + Nghe – viết 2 khổ thơ đầu và làm bài tập chính tả.
 - + Mở rộng vốn từ chỉ đồ dùng học tập, biết cách đặt câu nêu công dụng của đồ dùng học tập, biết dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi ở cuối câu, biết viết đoạn văn giới thiệu một đồ vật dùng để vẽ.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.
- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.